

Bản án số: 42/2022/KDTM-ST

Ngày: 30 - 9 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông **Phạm Văn Diện**

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông **Đặng Công Tâm** và ông **Nguyễn Văn Sanh**

***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Trần Minh Tâm** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Bà **Hà Thị Thu Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 32/2022/TLST-KDTM ngày 15.6.2022 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-KDTM ngày 30.8.2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2022/QĐST-KDTM ngày 14.9.2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty TNHH AT.**

Địa chỉ: Phòng 305, Tầng 3, Lô A59/I, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Anthony P - Chủ tịch Công ty. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đăng K, bà Trần Thị Như Q, bà Lê Thị D - Công ty Luật TNHH D. Địa chỉ: Phòng 304, Lầu 3, Tòa nhà C, số 6 đường T, Phường B, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 10.5.2022 và Giấy ủy quyền ngày 16.5.2022), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Phạm Quốc T - Luật sư Công ty Luật TNHH D thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Bị đơn: **Công ty TNHH T.**

Địa chỉ: Tầng 4 - 174 L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Philip Charles B - Chủ tịch Công ty và bà Evan Jane B - Giám đốc Công ty, vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 17.5.2022; đơn khởi kiện sửa đổi đề ngày 26.9.2022 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là Công ty TNHH AT trình bày:*

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, giữa Công ty TNHH AT và Công ty TNHH T đã ký các Hợp đồng mua bán hàng hóa thiết bị, cụ thể như sau:

- Hợp đồng kinh tế số: 260819-ATB & Gateway ngày 26.8.2019 về việc mua bán hai (02) xe Bunker and Field Rake và hai (02) xe TX Gator, giá trị hợp đồng là 1.265.445.390 đồng (đã bao gồm thuế GTGT).

- Hợp đồng kinh tế số: 060-20-ATB & Gateway ngày 06.01.2020 về việc mua bán thiết bị JD 5325 (phụ tùng linh kiện hiệu John Deere), giá trị hợp đồng là 67.515.360 đồng (đã bao gồm thuế GTGT).

- Hợp đồng kinh tế số: 030-20-ATB & Gateway ngày 03.02.2020 về việc mua bán hai (02) xe chở hàng John Deere TX Gator, giá trị hợp đồng là 651.942.170 đồng (đã bao gồm thuế GTGT).

- Hợp đồng kinh tế số: 200220-ATB & Gateway ngày 20.02.2020 về việc mua bán hai (02) xe chở hàng John Deere TX Gator, giá trị hợp đồng là 651.942.170 đồng (đã bao gồm thuế GTGT).

Thực hiện các hợp đồng đã ký kết, Công ty TNHH AT đã thực hiện việc giao hàng hóa, xuất hóa đơn và cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán cho Công ty TNHH T. Bên mua Công ty TNHH T không có ý kiến gì về chất lượng, thời hạn giao và các vấn đề liên quan đến hàng hóa đã giao. Tuy nhiên, Công ty TNHH T không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo các hợp đồng, cụ thể: Hợp đồng kinh tế số: 260819-ATB & Gateway ngày 26.8.2019 còn nợ số tiền 191.942.170 đồng; Hợp đồng kinh tế số: 060-20-ATB & Gateway ngày 06.01.2020 còn nợ số tiền 33.757.680 đồng; Hợp đồng kinh tế số: 030 -20 -ATB & Gateway ngày 03.02.2020 còn nợ số tiền 651.942.170 đồng và Hợp đồng kinh tế số: 200220-ATB & Gateway ngày 20.02.2020 còn nợ số tiền 651.942.170 đồng. Tổng cộng là 1.529.584.190 đồng.

Mặc dù, Công ty TNHH AT đã nhiều lần yêu cầu Công ty TNHH T thanh toán số tiền còn nợ nói trên nhưng cho đến nay Công ty TNHH T vẫn không thực hiện. Vì vậy, Công ty TNHH AT khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty TNHH T phải thanh toán cho Công ty TNHH AT số tiền còn nợ theo các hợp đồng là 1.529.584.190 đồng, tiền lãi tính từ ngày vi phạm của các hợp đồng đến ngày 30.9.2022 là 442.498.159 đồng; tổng cộng là 1.972.082.349 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH T đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH AT và cũng không đến Tòa án để giải quyết vụ việc.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Công ty TNHH AT giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn Công ty TNHH T đã được triệu tập để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã được đảm bảo các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH AT, buộc Công ty TNHH T phải thanh toán cho Công ty TNHH AT số tiền 1.972.082.349 đồng, trong đó tiền mua hàng là 1.529.584.190 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 442.498.159 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Công ty TNHH AT khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mua bán hàng hóa. Các bên tham gia quan hệ mua bán đều là tổ chức có đăng ký kinh doanh, hoạt động vì mục đích lợi nhuận. Căn cứ khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết:

Tại Điều 9 Hợp đồng kinh tế số: 260819-ATB & Gateway ngày 26.8.2019; Điều 7 Hợp đồng kinh tế số: 060-20-ATB & Gateway ngày 06.01.2020; Điều 9 Hợp đồng kinh tế số: 030 -20 -ATB & Gateway ngày 03.02.2020 và Điều 9 Hợp đồng kinh tế số: 200220-ATB & Gateway ngày 20.02.2020, các bên có thỏa thuận lựa chọn: “*Tòa kinh tế Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh*” là Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Do vậy, thỏa thuận lựa chọn Tòa án cấp tỉnh để giải quyết tranh chấp của các bên là không đúng về cấp Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc, trái với quy định tại các Điều 35, 36, 37 và 38 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thỏa thuận này không có hiệu lực. Hiện nay, bị đơn là Công ty TNHH T có trụ sở tại quận H, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn là Công ty TNHH T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về việc xác lập hợp đồng:

Các Hợp đồng kinh tế số: 260819-ATB & Gateway ngày 26.8.2019; Hợp đồng kinh tế số: 0601-20-ATB & Gateway ngày 06.01.2020; Hợp đồng kinh tế số: 0302-20-ATB & Gateway ngày 03.02.2020 và Hợp đồng kinh tế số: 200220-ATB & Gateway ngày 20.02.2020, giữa Công ty TNHH AT và Công ty TNHH T được các bên tự nguyện giao kết; hợp đồng được ký đúng thẩm quyền, hình thức hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 24 Luật Thương mại năm 2005 và nội dung không vi phạm điều cấm của luật nên có hiệu lực kể từ thời điểm ký kết.

[2.2] Xét yêu cầu thanh toán tiền của Công ty TNHH AT:

Mặc dù, Công ty TNHH T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH AT. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Công ty TNHH AT cung cấp thì có cơ sở để xác định giữa Công ty TNHH AT và Công ty TNHH T đã ký kết các hợp đồng kinh tế về việc mua bán hàng hóa.

Thực hiện Hợp đồng kinh tế số: 260819-ATB & Gateway ngày 26.8.2019, Công ty TNHH AT đã giao 04 xe ô tô chở hàng (hai đợt) và xuất các Hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000170 ngày 15.11.2019; 0000190 ngày 15.01.2020, đã bàn giao hồ sơ thanh toán cho bên mua vào ngày 15.01.2020. Công ty TNHH T đã thanh toán được số tiền 1.073.503.220 đồng, còn nợ 191.942.170 đồng.

Thực hiện Hợp đồng kinh tế số: 060-20-ATB & Gateway ngày 06.01.2020, Công ty TNHH AT đã giao hàng (phụ tùng linh kiện hiệu John Deere) ba đợt và xuất các Hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000216 ngày 13.3.2020; 0000226 ngày 03.4.2020; 0000230 ngày 10.4.2020, đã bàn giao hồ sơ thanh toán cho bên mua vào các ngày 13.3.2020; 06.4.2020 và 10.4.2020. Công ty TNHH T đã thanh toán được số tiền 33.757.680 đồng, còn nợ 33.757.680 đồng.

Thực hiện Hợp đồng kinh tế số: 030-20-ATB & Gateway ngày 03.02.2020, Công ty TNHH AT đã giao 02 xe ô tô chở hàng và xuất Hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000227 ngày 03.4.2020, đã bàn giao hồ sơ thanh toán cho bên mua vào ngày 07.4.2020. Công ty TNHH T chưa thanh toán và còn nợ số tiền 651.942.170 đồng.

Thực hiện Hợp đồng kinh tế số: 200220-ATB & Gateway ngày 20.02.2020, Công ty TNHH AT đã giao 02 xe ô tô chở hàng và xuất Hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000247 ngày 10.6.2020, đã bàn giao hồ sơ thanh toán cho bên mua vào ngày 10.6.2020. Công ty TNHH T chưa thanh toán và còn nợ số tiền 651.942.170 đồng.

Theo thỏa thuận, thì thời hạn thanh toán theo Hợp đồng kinh tế số: 260819-ATB & Gateway ngày 26.8.2019 là trong vòng 30 ngày, kể từ ngày giao hàng (Điều 4); các Hợp đồng kinh tế số: 060-20-ATB & Gateway ngày 06.01.2020, Hợp

đồng kinh tế số: 030-20-ATB & Gateway ngày 03.02.2020 và Hợp đồng kinh tế số: 200220-ATB & Gateway ngày 20.02.2020 thanh toán 50% ngay sau khi ký hợp đồng và thanh toán 50% còn lại trong vòng 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán (Điều 4). Bên bán là Công ty TNHH AT đã giao hàng; hồ sơ thanh toán cho bên mua và các bên không có tranh chấp về chất lượng hàng hóa nhưng Công ty TNHH T không thực hiện đúng việc thanh toán theo hợp đồng. Do đó, Công ty TNHH AT khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH T phải thanh toán số tiền mua hàng còn nợ tổng cộng 1.529.854.190 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 50, 55 Luật Thương mại năm 2005 cần được chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu trả tiền lãi chậm thanh toán của Công ty TNHH AT:

Tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 quy định: “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán...”. Công ty TNHH AT yêu cầu Công ty TNHH T phải trả tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất 12,475%/năm là phù hợp với mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử. Do đó, cần buộc Công ty TNHH T phải trả tiền lãi chậm thanh toán cho Công ty TNHH AT cụ thể như sau: Hợp đồng kinh tế số: 260819-ATB & Gateway ngày 26.8.2019 là 62.828.430 đồng (tính từ ngày 15.02.2020 đến ngày 30.9.2022); Hợp đồng kinh tế số: 060-20-ATB & Gateway ngày 06.01.2020 là 9.940.286 đồng (tính từ ngày 20.5.2020 đến ngày 30.9.2022); Hợp đồng kinh tế số: 030-20-ATB & Gateway ngày 03.02.2020 là 191.970.891 đồng (tính từ ngày 20.5.2020 đến ngày 30.9.2022); Hợp đồng kinh tế số: 200220-ATB & Gateway ngày 20.02.2020 là 177.758.552 đồng (tính từ ngày 23.7.2020 đến ngày 30.9.2022). Số tiền lãi Công ty TNHH T phải trả là 442.498.159 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Công ty TNHH T phải thanh toán cho Công ty TNHH AT như đã nêu ở mục [2.2] và [2.3] là 1.972.082.349 đồng (trong đó tiền mua hàng là 1.529.584.190 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 442.498.159 đồng).

[3] Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 71.162.470 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH AT được chấp nhận nên Công ty TNHH T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí đăng phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, Công ty TNHH AT chịu và đã thực hiện xong.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu về việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử cần được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 244, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 8 Điều 3, Điều 24, 50, 55 và 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” của Công ty TNHH AT Việt Nam đối với Công ty TNHH T.

Xử:

**1.** Buộc Công ty TNHH T phải trả cho Công ty TNHH AT số tiền 1.972.082.349 đồng (tiền mua hàng là 1.529.584.190 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 442.498.159 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**2.** Về án phí:

Buộc Công ty TNHH T phải chịu 71.162.470 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty TNHH AT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 34.180.736 đồng theo biên lai thu số: 5851 ngày 09.6.2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

**3.** Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Công ty TNHH AT có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn Công ty TNHH T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND quận Hải Châu;
- THADS quận Hải Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Văn Diện**